

Số: 2128 /LĐTBXH-KHTC
V/v xây dựng kế hoạch phát triển
kinh tế - xã hội năm 2013

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2012

Kính gửi: Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương

Thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 18/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2013 và Kế hoạch đầu tư từ ngân sách nhà nước 3 năm 2013-2015, Bộ yêu cầu Giám đốc các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng kế hoạch năm 2013 theo các nội dung sau:

1. Yêu cầu trong xây dựng Kế hoạch năm 2013

- Tổ chức đánh giá nghiêm túc kết quả thực hiện kế hoạch năm 2011, 6 tháng đầu năm 2012 và dự báo 6 tháng cuối năm và ước thực hiện cả năm 2012. Trong đó xác định rõ những chỉ tiêu, nhiệm vụ đạt thấp; những tồn tại, yếu kém trong quá trình tổ chức thực hiện; những cơ chế, chính sách cần điều chỉnh, bổ sung... Đặc biệt phân tích làm rõ các nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn tới không đạt chỉ tiêu kế hoạch.

- Xác định mục tiêu và nhiệm vụ kế hoạch năm 2013 về lao động, người có công và xã hội căn cứ vào các mục tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 của địa phương đã được Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố thông qua; đồng thời dựa trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2012 và dự báo tình hình kinh tế xã hội của địa phương, trong nước và thế giới trong thời gian tới.

- Xây dựng kế hoạch lao động, người có công và xã hội năm 2013 gắn với khả năng cân đối nguồn lực và khả năng thực hiện của các cấp cơ sở để đảm bảo tính khả thi, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, nâng cao khả năng xã hội hóa các nguồn lực để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội.

- Việc xây dựng kế hoạch lao động, người có công và xã hội năm 2013 phải đảm bảo tính đồng bộ, hệ thống và sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị của địa phương; bảo đảm tính công khai, minh bạch và công bằng trong xây dựng kế hoạch và phân bổ nguồn lực, ngân sách. Đồng thời đảm bảo tiến độ, thời gian quy định.

2. Định hướng mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch năm 2013

2.1. Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2013

Nâng cao chất lượng tăng trưởng gắn với tái cơ cấu kinh tế đi đôi với việc tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm nền kinh tế phát triển bền vững, tạo đà cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2011-2015. Bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân.

Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự xã hội.

2.2. Định hướng mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2013 về lao động, người có công và xã hội

(1). Tổ chức triển khai hướng dẫn thực hiện Bộ luật lao động (sửa đổi); tiếp tục hoàn thiện và thực hiện tốt chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, tạo việc làm, dạy nghề gắn với quá trình tái cơ cấu nền kinh tế; phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường lao động trong nước, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về thị trường lao động; tăng cường các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm của hệ thống Trung tâm giới thiệu việc làm; đa dạng hoá các hoạt động giao dịch việc làm; tiếp tục phát huy và nâng cao năng lực hoạt động sàn giao dịch việc làm, góp phần tích cực kết nối cung - cầu lao động.

Phát triển thị trường xuất khẩu lao động; đổi mới công tác đào tạo, tạo nguồn lao động xuất khẩu đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Theo dõi, kịp thời cập nhật tình hình biến động lao động trong các doanh nghiệp, đặc biệt là tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, các thành phố lớn, lao động người nước ngoài làm việc tại Việt Nam; kịp thời đề xuất giải pháp xử lý những vấn đề mới phát sinh.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp để xây dựng quan hệ lao động hài hòa, lành mạnh, giảm tranh chấp lao động, đình công; tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật lao động cho người lao động và người sử dụng lao động; kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn lao động.

(2). Phát triển hệ thống dạy nghề đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, hiện đại hoá, chuẩn hoá, xã hội hoá và hội nhập khu vực, quốc tế; tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy nghề theo 3 cấp trình độ; phát triển mạnh các hình thức dạy nghề cho lao động nông thôn và chuyển dịch cơ cấu lao động, đáp ứng yêu cầu hiện đại hoá nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch mạng lưới dạy nghề về quy mô, cơ cấu cấp trình độ, ngành nghề đến năm 2020 phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tiến trình tái cơ cấu kinh tế của cả nước, ngành, vùng, tiểu vùng đáp ứng nhu cầu lao động kỹ thuật chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước, xuất khẩu lao động và chuyển dịch cơ cấu lao động.

Hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về dạy nghề theo hướng phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, gắn với trách nhiệm và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; đảm bảo sự giám sát của cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân.

(3). Tập trung triển khai thực hiện tốt Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (sửa đổi); tiếp tục xử lý các trường hợp còn tồn đọng về xác nhận, công nhận người có công; xây dựng và thực hiện đề án hỗ trợ nhà ở cho các gia đình chính sách chưa có nhà ở kiên cố; đề án tìm kiếm, quy tập và xác định hài cốt

liệt sỹ còn thiếu thông tin; đề án hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng 200 xã có nhiều người bị nhiễm chất độc hoá học; thực hiện báo tin mộ liệt sỹ đến gia đình liệt sỹ. Tiếp tục đầu tư phát triển mạng lưới cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng, chỉnh hình - phục hồi chức năng đáp ứng yêu cầu điều trị, phục hồi sức khoẻ, hoà nhập cộng đồng cho người có công; đầu tư xây dựng, sửa chữa, tôn tạo và nâng cấp các công trình tưởng niệm liệt sỹ đảm bảo ổn định, lâu dài, phát huy tính giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ.

Đẩy mạnh các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, huy động mọi nguồn lực trong xã hội, cộng đồng cùng nhà nước chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng.

(4). Tập trung nguồn lực đầu tư, thực hiện giảm nghèo bền vững: thông qua các chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp, các ngành đảm bảo hợp lý chênh lệch về phát triển và giàu nghèo giữa các vùng, các nhóm dân cư, các dân tộc; lồng ghép các chương trình, dự án mở rộng và đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, nâng cao kiến thức, trình độ tay nghề cho người nghèo để tạo việc làm tại chỗ, tham gia lao động trong tỉnh, ngoài tỉnh và xuất khẩu lao động; thực hiện đầy đủ các chính sách đối với hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số.

(5). Tăng cường hoạt động bảo trợ, trợ giúp xã hội: thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đã ban hành cho đối tượng yếu thế; nghiên cứu, điều chỉnh bổ sung chính sách, nâng mức trợ cấp xã hội phù hợp với điều kiện kinh tế của đất nước và địa phương; cải thiện, nâng cao mức sống cho đối tượng xã hội, tạo điều kiện để các đối tượng tự khắc phục khó khăn vươn lên hoà nhập cộng đồng.

Thực hiện tốt công tác cứu trợ đột xuất, bảo đảm người dân bị thiệt hại khi gặp rủi ro, thiên tai được hỗ trợ kịp thời; xây dựng, triển khai nhân rộng các mô hình phòng tránh và cứu trợ phù hợp để kịp thời ứng phó và hạn chế các tác động xấu của thiên tai, hướng dẫn người dân chủ động phòng chống, cứu giúp lẫn nhau khi gặp thiên tai.

(6). Tạo môi trường thuận lợi để thực hiện toàn diện quyền trẻ em; tạo môi trường an toàn, lành mạnh để trẻ em được phát triển toàn diện; ngăn chặn và đẩy lùi các nguy cơ xâm hại trẻ em, phát hiện xử lý nghiêm minh các hành động bạo lực, xâm hại trẻ em; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc thường xuyên ngoài gia đình (từ cộng đồng và nhà nước); giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em; giám sát đảm bảo 100% trẻ em dưới 6 tuổi được tiếp cận các dịch vụ y tế nhà nước không phải trả tiền.

(7). Thực hiện bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; lồng ghép, đưa các nhiệm vụ về bình đẳng giới vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các cấp, các ngành, cụ thể hoá bằng các chỉ tiêu và gắn với nguồn lực nhằm bảo đảm thực hiện mục tiêu Bình đẳng giới trong Chiến lược quốc gia Bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020; tăng cường công tác giáo dục truyền thống, tuyên truyền nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi của mọi người dân, đặc biệt là phụ nữ vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người về bình đẳng giới, pháp luật về các quyền của phụ

nữ để họ tự bảo vệ mình; phát hiện, xử lý nghiêm minh các hành động bạo lực xâm hại phụ nữ.

(8). Giảm phát sinh mới tệ nạn xã hội; nâng cao chất lượng cai nghiện phục hồi, quản lý sau cai; phòng chống tệ nạn mại dâm. Mở rộng và nâng cao hiệu quả cuộc vận động xây dựng xã, phường lành mạnh không có tệ nạn xã hội; phát động phong trào toàn dân phát hiện người nghiện, vận động đối tượng nghiện và gia đình người nghiện tự khai báo và đăng ký hình thức cai nghiện; xây dựng lực lượng tình nguyện viên ở các xã, phường. Đưa công tác cai nghiện phục hồi, quản lý sau cai, phòng chống mại dâm vào chỉ tiêu đánh giá hoàn thành nhiệm vụ đối với cấp uỷ, chính quyền các cấp.

Nâng cao năng lực các trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội hiện có; khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển các mô hình, các hình thức cai nghiện phục hồi gắn với dạy nghề, tạo việc làm, giảm tái nghiện và hoà nhập cộng đồng sau cai.

Cùng với thuyết minh đánh giá kết quả thực hiện năm 2011, 2012 và kế hoạch năm 2013, Bộ yêu cầu Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp đầy đủ số liệu vào các phụ lục kèm theo công văn này.

Để đảm bảo yêu cầu tiến độ theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Bộ yêu cầu Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2013 đúng nội dung, yêu cầu và gửi về Bộ **trước ngày 13/7/2012** đồng thời gửi thư điện tử theo địa chỉ e-mail: **phongkh_molisa@yahoo.com**.

Mọi vướng mắc xin phản ánh về Bộ (Vụ Kế hoạch - Tài chính, điện thoại 04.3.8269.544).

Nơi nhận:

- Như trên (để t/h);
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lưu VP, KHTC.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH**



Chu Quang Cường



KẾ HOẠCH NĂM 2013

(Kèm theo công văn số 128 /LĐTBXH-KHTC ngày 26 tháng 6 năm 2012)

1. LAO ĐỘNG - VIỆC LÀM

TT	Chỉ tiêu/nhiệm vụ	Đơn vị tính	Thực hiện 2011	Năm 2012			KH 2013
				KH	TH 6 tháng	Ước TH năm	
1	Dân số	Người					
	Trong đó : - Thành thị	"					
	- Nông thôn	"					
2	Dân số trong độ tuổi lao động	"					
	Trong đó : - Thành thị	"					
	- Nông thôn	"					
3	Số lao động tham gia hoạt động kinh tế	"					
	- Chia theo khu vực	"					
	+ Lao động khu vực thành thị	"					
	+ Lao động khu vực nông thôn	"					
	- Chia theo nhóm ngành	"					
	+ Công nghiệp và xây dựng	"					
	+ Nông, lâm, ngư nghiệp	"					
	+ Dịch vụ	"					
4	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%					
5	Tổng số lao động được tạo việc làm	người					
	- Việc làm trong nước	"					
	Trong đó: + Công nghiệp và xây dựng	"					
	+ Nông, lâm, ngư nghiệp	"					
	+ Dịch vụ	"					
	- Xuất khẩu lao động	"					
6	Thực hiện CTMTQG Việc làm						
6.1	Vay vốn tạo việc làm từ Quỹ QG về Việc làm						
	- Tổng nguồn vốn cho vay năm (cả TW, ĐP)	Tr.đồng					
	Trong đó: + Vốn thu hồi	"					
	+ Vốn mới bổ sung	"					
	- Số dự án được duyệt vay vốn	Dự án					
	- Số tiền cho các dự án vay	Tr.đồng					
	- Số lao động được tạo việc làm	người					
6.2	Dự án Hỗ trợ phát triển thị trường lao động						
a	Đầu tư Trung tâm Giới thiệu Việc làm	Tr.đồng					
	Trong đó: + Ngân sách Trung ương	Tr.đồng					
	+ Ngân sách địa phương	"					
b	Hoạt động của Trung tâm giới thiệu việc làm						
	Số người được tư vấn giới thiệu việc làm	Người					
	Trong đó : số người tìm được việc làm	"					
c	Tổ chức sân giao dịch việc làm	lần					
	Trong đó: + Ngân sách Trung ương	Tr.đồng					
	+ Ngân sách địa phương	Tr.đồng					
	- Số đơn vị tham gia	Đơn vị					
	- Số người đăng ký tìm việc làm	Người					

TT	Chỉ tiêu/nhiệm vụ	Đơn vị tính	Thực hiện 2011	Năm 2012			KH 2013
				KH	TH 6 tháng	Ước TH năm	
	Trong đó: số người được tuyển dụng thông qua sàn giao dịch	"					
	- Số người đăng ký học nghề	"					
	Trong đó số người được tuyển học nghề	"					
6.3	Hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng						
6.4	Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát đánh giá chương trình						
	- Tập huấn cán bộ						
	+ Số cán bộ được tập huấn	người					
	+ Kinh phí thực hiện	Tr.đồng					
	Ngân sách Trung ương	Tr.đồng					
	Ngân sách địa phương	Tr.đồng					
	- Truyền thông						
	- Giám sát, đánh giá						
7	Quan hệ lao động						
7.1	Số doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn	D nghiệp					
	Trong đó: - Doanh nghiệp nhà nước	"					
	- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	"					
	- Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	"					
7.2	Số doanh nghiệp ký kết thoả ước lao động tập thể	D nghiệp					
	Trong đó: - Doanh nghiệp nhà nước	"					
	- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	"					
	- Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	"					
7.3	Số lao động làm việc trong các doanh nghiệp	Người					
	Trong đó: - Doanh nghiệp nhà nước	"					
	- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	"					
	- Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	"					
7.4	Số lao động làm việc từ 3 tháng trở lên trong các doanh nghiệp	"					
	Trong đó: - Doanh nghiệp nhà nước	"					
	- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	"					
	- Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	"					
7.5	Số lao động làm việc từ 3 tháng trở lên trong các doanh nghiệp có hợp đồng lao động	"					
	Trong đó: - Doanh nghiệp nhà nước	"					
	- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	"					
	- Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	"					
7.6	Số vụ đình công xảy ra tại địa phương	Vụ					
	Trong đó: - Doanh nghiệp nhà nước	"					
	- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	"					
	- Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	"					
8	An toàn lao động						
8.1	Số vụ tai nạn lao động	"					
	Trong đó: số vụ có người chết	"					
8.2	Số người bị tai nạn lao động	người					

TT	Chỉ tiêu/nhiệm vụ	Đơn vị tính	Thực hiện 2011	Năm 2012			KH 2013
				KH	TH 6 tháng	Ước TH năm	
	Trong đó: - Số người chết	"					
	- Số người bị thương	"					
8.3	Số doanh nghiệp để xảy ra tai nạn chết người	DN					
8.4	Số doanh nghiệp có lao động mắc bệnh nghề nghiệp	"					
8.5	Số doanh nghiệp làm tốt công tác ATVSLĐ	"					
8.6	Số doanh nghiệp vi phạm quy định của pháp luật về ATVSLĐ	"					
8.2	Thực hiện CTQG Bảo hộ Lao động						
	- Số cán bộ quản lý an toàn, thanh tra lao động được tập huấn về ATVSLĐ	người					
	- Số người sử dụng lao động, cán bộ an toàn lao động của các doanh nghiệp được tập huấn về ATVSLĐ	"					
	- Số người lao động được tập huấn về ATVSLĐ	"					
	Trong đó: số người làm nghề, công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ	"					
	- Số vụ tai nạn lao động được điều tra đúng hạn	vụ					
	- Số máy móc thiết bị được trang cấp phục vụ cho công tác quản lý về ATVSLĐ	"					
	- Kinh phí thực hiện chương trình	Tr.đồng					
	Trong đó: + Ngân sách Trung ương	"					
	+ Ngân sách địa phương	"					
9	Tuyên truyền phổ biến pháp luật về lao động						
	- Số lượt người được tuyên truyền	lượt người					
	- Số doanh nghiệp được tuyên truyền	D nghiệp					
10	Hỗ trợ doanh nghiệp khắc phục hậu quả suy giảm kinh tế						
10.1	Doanh nghiệp bị ảnh hưởng	D nghiệp					
	Trong đó : - Doanh nghiệp bị phá sản	"					
	- Doanh nghiệp ngừng sản xuất	"					
	- Doanh nghiệp thu hẹp sản xuất	"					
10.2	Lao động bị ảnh hưởng	người					
	Trong đó: - Lao động bị mất việc làm	"					
	- Lao động bị cắt giảm việc làm	"					
	- Lao động tạm nghỉ chờ việc	"					
10.3	Doanh nghiệp được hỗ trợ (theo QĐ30)	D nghiệp					
	Kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng					
11	Số doanh nghiệp có sử dụng lao động là người nước ngoài	D nghiệp					
	Trong đó: - Doanh nghiệp nhà nước	"					
	- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	"					
	- Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	"					
12	Số lao động người nước ngoài đang làm việc tại các doanh nghiệp	người					
	Trong đó: - Lao động chuyên môn kỹ thuật cao	"					
	- Lao động phổ thông	"					

2. DẠY NGHỀ

TT	Chỉ tiêu/nhiệm vụ	Đơn vị tính	Thực hiện 2011	Năm 2012			KH 2013
				KH	TH 6 tháng	Ước TH năm	
1	Số cơ sở dạy nghề tăng thêm trong kỳ, trong đó:	Cơ sở					
1.1	Trường Cao đẳng nghề	"					
	Trong đó trường ngoài công lập	"					
1.2	Trường trung cấp nghề	"					
	Trong đó trường ngoài công lập	"					
1.3	Trung tâm dạy nghề	"					
	Trong đó trung tâm dạy nghề công lập (trung tâm dạy nghề quận, huyện)	"					
2	Tổng số cơ sở dạy nghề trên địa bàn	"					
	Trong đó	"					
2.1	Trường Cao đẳng nghề	"					
	Trong đó trường ngoài công lập	"					
2.2	Trường trung cấp nghề	"					
	Trong đó trường ngoài công lập	"					
2.3	Trung tâm dạy nghề	"					
	Trong đó trung tâm dạy nghề công lập (trung tâm dạy nghề quận, huyện)	"					
3	Tuyển mới Dạy nghề	Người					
3.1	Cao đẳng nghề	"					
3.2	Trung cấp nghề	"					
3.3	Sơ cấp nghề và dạy nghề thường xuyên	"					
	- Trong đó: + Dạy nghề cho lao động nông thôn						
	* Thanh niên dân tộc						
	* Lao động bị thu hồi đất						
	+ Dạy nghề cho người tàn tật	"					
4	Chương trình mục tiêu quốc gia về VL						
4.1	Đổi mới và phát triển dạy nghề						
<i>a</i>	<i>Nghề đầu tư nghề trọng điểm</i>						
	Tổng kinh phí, trong đó:	Tr.đồng					
	- Chuẩn quốc tế	Tr.đồng					
	+ Ngân sách Trung ương	Tr.đồng					
	+ Ngân sách địa phương	Tr.đồng					
	- Chuẩn khu vực	Tr.đồng					
	+ Ngân sách Trung ương	Tr.đồng					
	+ Ngân sách địa phương	Tr.đồng					
	- Chuẩn quốc gia	Tr.đồng					
	+ Ngân sách Trung ương	Tr.đồng					
	+ Ngân sách địa phương	Tr.đồng					
<i>b</i>	<i>Nghề phổ biến phục vụ phát triển ngành và phát triển KTXH địa phương</i>	"					
4.2	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định	"					
	- Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề	cơ sở					
	+ Ngân sách Trung ương	Tr.đồng					
	+ Ngân sách địa phương	Tr.đồng					
	- Hỗ trợ lao động nông thôn học nghề	số người					
	+ Ngân sách Trung ương	Tr.đồng					
	+ Ngân sách địa phương	Tr.đồng					
	- Đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức xã	Tr.đồng					
5	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%					
	Trong đó: tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%					

3. GIÁM NGHÈO, BẢO TRỢ XÃ HỘI

TT	Chỉ tiêu/nhiệm vụ	Đơn vị tính	Thực hiện 2011	Năm 2012			KH 2013
				KH	TH 6 tháng	Ước TH	
I	Giám nghèo						
1	Tổng số hộ dân cư	Hộ					
a	- Số hộ nghèo	hộ					
	Tỷ lệ hộ nghèo	%					
b	- Số hộ cận nghèo	Hộ					
	Tỷ lệ hộ cận nghèo	%					
2	Thực hiện CTMTQG Giảm nghèo						
2.1	<i>Dự án hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo</i>	xã					
	+ Ngân sách Trung ương	Tr.đồng					
	+ Ngân sách địa phương	"					
2.2	Nhân rộng mô hình giảm nghèo						
	- Số mô hình	mô hình					
	+ Ngân sách Trung ương	Tr.đồng					
	+ Ngân sách địa phương	"					
2.3	<i>Dự án hỗ trợ nâng cao năng lực giám nghèo, truyền thông và giám sát, đánh giá chương trình</i>	Hộ					
	- Đào tạo, tập huấn cán bộ						
	+ Số cán bộ được đào tạo, tập huấn	cán bộ					
	+ Ngân sách Trung ương	Tr.đồng					
	+ Ngân sách địa phương	"					
	- Hoạt động truyền thông						
	+ Ngân sách Trung ương	Tr.đồng					
	+ Ngân sách địa phương	"					
	- Hoạt động giám sát, đánh giá						
	+ Ngân sách Trung ương	Tr.đồng					
	+ Ngân sách địa phương	"					
II	Thực hiện chính sách bảo trợ xã hội						
1	Cứu trợ đột xuất						
	- Số hộ được cứu trợ	Hộ					
	- Số nhân khẩu được cứu trợ						
	- Kinh phí thực hiện	Tr.đồng					
	Trong đó : + Ngân sách Trung ương	"					
	+ Ngân sách địa phương	"					
	+ Huy động từ cộng đồng	"					
2	Trợ cấp xã hội thường xuyên						
2.1	Tổng số đối tượng cần trợ cấp xã hội	người					
	- Người cao tuổi	"					
	- Người tàn tật	"					
	- Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	"					
	- Đối tượng khác	"					
2.2	Số đối tượng đã được hưởng trợ cấp xã hội tại cộng đồng	"					
	- Người cao tuổi	"					
	- Người tàn tật	"					

TT	Chỉ tiêu/nhiệm vụ	Đơn vị tính	Thực hiện 2011	Năm 2012			KH 2013
				KH	TH 6 tháng	Ước TH	
	- Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	"					
	- Đối tượng khác						
	Kinh phí thực hiện	Tr.đồng					
2.3	Số đối tượng được nuôi dưỡng tại các cơ sở BTXH	người					
	- Người cao tuổi	"					
	- Người tàn tật	"					
	- Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	"					
	- Đối tượng khác						
	Kinh phí thực hiện	Tr.đồng					
3	Cơ sở bảo trợ xã hội						
	- Số cơ sở trên địa bàn	cơ sở					
	Trong đó: + Cơ sở nhà nước	"					
	+ Cơ sở ngoài nhà nước	"					
	- Số cơ sở được đầu tư trong kỳ	"					
	Trong đó: + Cơ sở nhà nước	"					
	Kinh phí	Tr.đồng					
	+ Cơ sở ngoài nhà nước	cơ sở					
	Kinh phí	Tr.đồng					
3	Số đối tượng được cấp DCCH, xe lăn và trợ giúp y tế	Người					
	Kinh phí thực hiện	Tr.đồng					

4. THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH NGƯỜI CÓ CÔNG

TT	Chỉ tiêu/nhiệm vụ	Đơn vị tính	Thực hiện 2011	Năm 2012			KH 2013
				KH	TH 6 tháng	Ước TH năm	
I	Xác nhận, công nhận người hưởng chính sách ưu đãi người có công						
1	Số đối tượng được công nhận trong kỳ	người					
2	Số hồ sơ còn tồn đọng trong kỳ	hồ sơ					
II	Thực hiện dự toán kinh phí ưu đãi NCC						
1	Trợ cấp thường xuyên						
2	Trợ cấp 1 lần						
III	Công tác mộ, nghĩa trang liệt sỹ						
1	Số nghĩa trang liệt sỹ được xây, sửa, nâng cấp	N, trang					
	Kinh phí thực hiện	Tr.đồng					
	Trong đó: + Ngân sách trung ương	"					
	+ Ngân sách địa phương	"					
2	Số đài tưởng niệm liệt sỹ được xây, sửa, nâng cấp	Đài					
	Kinh phí thực hiện	Tr.đồng					
	Trong đó ngân sách trung ương	"					
3	Số nhà bia ghi tên liệt sỹ được xây, sửa, nâng cấp	Nhà bia					
	Kinh phí thực hiện	Tr.đồng					
	Trong đó ngân sách trung ương	"					
4	Số mộ liệt sỹ được quy tập vào NTL	Mộ					
	Kinh phí thực hiện	Tr.đồng					
5	Số mộ liệt sỹ trong nghĩa trang được di chuyển theo nguyện vọng của gia đình	Mộ					
IV	Số cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng NCC	Cơ sở					
1	Số cơ sở được đầu tư trong kỳ	"					
2	Kinh phí thực hiện	Tr.đồng					
	Trong đó: + Ngân sách trung ương	"					
	+ Ngân sách địa phương	"					
V	Thực hiện phong trào đền ơn đáp nghĩa						
1	Tổng số xã, phường trên địa bàn	Xã,					
2	Tổng số xã, phường được công nhận làm tốt công tác chăm sóc thương binh, gia đình liệt sỹ và người có công	"					
	Trong đó: số xã, phường được công nhận mới	"					
3	Số hộ chính sách thuộc diện hộ nghèo	Hộ					
4	Tỷ lệ hộ chính sách có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống bình trung bình của dân cư địa phương nơi cư trú	%					
5	Số bà mẹ việt nam anh hùng được phụng dưỡng	Người					
	Kinh phí thực hiện	Tr.đồng					
6	Số hộ chính sách còn nhà ở dột nát, nhà tạm	Hộ					
7	Số nhà tình nghĩa được xây, tặng cho đối tượng chính sách	Nhà					
	Kinh phí thực hiện	Tr.đồng					
8	Số nhà tình nghĩa được sửa chữa, nâng cấp cho đối tượng chính sách	Nhà					
	Kinh phí thực hiện	Tr.đồng					
9	Số sổ vàng tình nghĩa được tặng	Số					
	Kinh phí thực hiện	Tr.đồng					
10	Số tiền đóng góp xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa	"					

5. PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI

TT	Chỉ tiêu/nhiệm vụ	Đơn vị tính	Thực hiện 2011	Năm 2012			KH 2013
				KH	TH 6 tháng	Ước TH năm	
I Phòng, chống mại dâm							
1	Số gái mại dâm hoạt động trên địa bàn	Người					
	Trong đó: số có hồ sơ quản lý	"					
2	Số gái mại dâm được giáo dục, chữa trị, phục hồi chức năng, dạy nghề tại các trung tâm	Người					
	Trong đó : số tiếp nhận mới	"					
3	Số gái mại dâm được giáo dục, chữa trị, phục hồi chức năng, dạy nghề tại cộng đồng	Người					
4	Số gái mại dâm hoàn lương hoà nhập cộng đồng	"					
II Cai nghiện phục hồi							
1	Số đối tượng có hồ sơ quản lý	Người					
2	Số người nghiện được cai tại các trung tâm	"					
	Trong đó: số tiếp nhận mới	"					
3	Số người nghiện được cai tại cộng đồng	"					
4	Số đối tượng cai nghiện được dạy nghề đã hoà nhập cộng đồng	"					
	Trong đó : + Tại các trung tâm	"					
	+ Tại cộng đồng	"					
III Cơ sở giáo dục - chữa bệnh lao động xã hội							
1	Số cơ sở trên địa bàn	cơ sở					
	Trong đó: + Cơ sở nhà nước	"					
	+ Cơ sở ngoài nhà nước	"					
2	Số cơ sở được đầu tư trong kỳ	"					
	Trong đó: + Cơ sở nhà nước	"					
	Kinh phí	Tr.đồng					
	Trong đó: * Ngân sách trung ương	"					
	* Ngân sách địa phương	"					
	+ Cơ sở ngoài nhà nước	cơ sở					
	Kinh phí	Tr.đồng					
IV Tổng số xã, phường lành mạnh không có tệ nạn xã hội							
	Trong đó số công nhận mới	Xã,					
		"					

6. BẢO VỆ, CHĂM SÓC TRẺ EM

TT	Chỉ tiêu/nhiệm vụ	Đơn vị tính	Thực hiện 2011	Năm 2012			KH 2013
				KH	TH 6 tháng	Ước TH năm	
I	Bảo vệ trẻ em						
1	Số trẻ em mồ côi không nơi nương tựa	người					
	Trong đó: Số được trợ giúp	"					
	+ Trợ giúp thường xuyên tại cộng đồng	"					
	+ Tiếp nhận vào các cơ sở bảo trợ xã hội	"					
	+ Trợ giúp khác	"					
2	Số trẻ em bị bỏ rơi	"					
	Trong đó: Số được trợ giúp	"					
	+ Được nhận làm con nuôi	"					
	+ Tiếp nhận vào các cơ sở bảo trợ xã hội	"					
	+ Trợ giúp khác	"					
3	Số trẻ em là nạn nhân chất độc hoá học	"					
	Trong đó: Số được trợ giúp	"					
	+ Trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng	"					
	+ Tiếp nhận vào các cơ sở bảo trợ xã hội	"					
	+ Trợ giúp khác	"					
4	Trẻ em lao động sớm	"					
	- Số trẻ em phải lao động sớm	"					
	Trong đó : + Số phải làm việc trong điều kiện nặng nhọc, nguy hiểm	"					
	+ Số phải làm việc xa gia đình	"					
	- Số trẻ em phải lao động sớm được trợ giúp	"					
	Trong đó: + Không phải lao động sớm	"					
	+ Hỗ trợ học nghề, chuyển nghề không phải làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	"					
	+ Hỗ trợ khác	"					
5	Trẻ em lang thang	"					
	- Số trẻ em lang thang trên địa bàn	"					
	Trong đó: số phát sinh mới	"					
	- Số trẻ em lang thang được trợ giúp	"					
	Trong đó: + Hỗ trợ hồi gia	"					
	+ Tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội	"					
	+ Hỗ trợ khác	"					
6	Số trẻ em sống trong hộ gia đình nghèo	"					
	Trong đó: số được trợ giúp	"					
7	Số trẻ em bị buôn bán, bắt cóc được phát hiện	"					
	Trong đó: Số được trợ giúp	"					
	+ Tìm được gia đình	"					
	+ Tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội	"					
	+ Trợ giúp khác	"					
7	Số trẻ em bị xâm hại, lạm dụng được phát hiện	"					
	Trong đó : Số được trợ giúp	"					
8	Số trẻ em bị ngược đãi được phát hiện	"					
	Trong đó: số được trợ giúp	"					
9	Trẻ em nghiện ma túy	"					
	- Số trẻ em nghiện ma túy được phát hiện	"					
	Trong đó: số phát sinh mới	"					
	- Số được cai nghiện	"					

TT	Chỉ tiêu/nhiệm vụ	Đơn vị tính	Thực hiện 2011	Năm 2012			KH 2013
				KH	TH 6 tháng	Ước TH năm	
	Trong đó: + Tại các trung tâm GDĐXH	"					
	+ Tại cộng đồng	"					
10	Trẻ em vi phạm pháp luật	"					
	- Số trẻ em vi phạm pháp luật được phát hiện	"					
	- Số trẻ em vi phạm pháp luật được giáo dục	"					
	Trong đó: + Đưa vào trường giáo dưỡng	"					
	+ Giáo dục tại cộng đồng	"					
11	Số mái ấm, nhà mở, cơ sở trợ giúp, chăm sóc trẻ em có HCĐB (không tính trung tâm BTXH của nhà nước)	"					
12	Số trung tâm hỗ trợ khẩn cấp cho trẻ em	"					
13	Thực hiện Chương trình "Ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm hại tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm giai đoạn 2004-2010" theo Quyết định 19/2004/QĐ-TTG ngày 12/2/2004 của Thủ tướng	Tr.đồng					
	Trong đó: + Ngân sách trung ương	"					
	+ Ngân sách địa phương	"					
	+ Nguồn khác	"					
13.1	Số lượt người được truyền thông, vận động và nâng cao năng lực quản lý	"					
13.2	Số trẻ em lang thang được trợ giúp	"					
13.3	Số trẻ em bị xâm hại tình dục được trợ giúp	"					
13.3	-Số trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm được trợ giúp	"					
II Chăm sóc trẻ em							
1	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ khám, chữa bệnh	%					
2	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi	"					
3	Số trẻ em dưới 6 tuổi chưa được cấp thẻ khám, chữa bệnh	người					
4	Số trẻ em bị khuyết tật/tàn tật	"					
	Trong đó: số trẻ em khuyết tật/tàn tật được trợ giúp	"					
5	Số trẻ em bị tai nạn thương tích	"					
	Trong đó: số em bị tử vong	"					
6	Số trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS	"					
	Trong đó: số em được trợ giúp	"					
7	Số cơ sở/trung tâm tư vấn can thiệp trẻ em bị rối nhiễu tâm lý	cơ sở					
8	Số mô hình thí điểm tư vấn về chăm sóc trẻ em tại cộng đồng	mô hình					
III Phát triển và tham gia							
1	Tỷ lệ đăng ký khai sinh đúng tuổi cho trẻ em 1 tuổi	%					
2	Số trẻ em chưa được cấp giấy khai sinh	người					
3	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được đi học	%					
	Trong đó: - Tiểu học	"					
	- Trung học	"					
4	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được đi học	"					
5	Số trẻ em trong độ tuổi không được đi học	người					
	Trong đó: - Số em chưa bao giờ đi học	"					
	- Số em bỏ học tiểu học	"					
	- Số em bỏ học trung học cơ sở	"					

TT	Chỉ tiêu/nhiệm vụ	Đơn vị tính	Thực hiện 2011	Năm 2012			KH 2013
				KH	TH 6 tháng	Ước TH năm	
6	Số giờ phát thanh giành cho trẻ em (đài phát thanh ĐP)	giờ					
7	Số giờ truyền hình giành cho trẻ em (đài truyền hình ĐP)	"					
8	Số ấn phẩm dành cho trẻ em (sách, báo, tạp chí ... của ĐP)	ấn phẩm					
9	Tỷ lệ xã/phường có điểm vui chơi, giải trí giành cho trẻ em	%					
	Số xã/phường có điểm vui chơi, giải trí giành cho trẻ em	xã					
10	Tỷ lệ xã/phường có câu lạc bộ dành cho trẻ em (học tập, năng khiếu, Quyền trẻ em ...)	%					
	Số xã phường có câu lạc bộ	xã					
11	Tỷ lệ xã/phường đạt tiêu chuẩn phù hợp trẻ em	%					
	Số xã/phường đạt tiêu chuẩn phù hợp trẻ em	xã					
	Trong đó: số được công nhận mới	"					
IV Chỉ tiêu khác							
1	Số người dưới 18 tuổi	người					
	Trong đó: dưới 16 tuổi	"					
2	Số lượt người được tập huấn các kiến thức liên quan đến	lượt					
3	Số trung tâm/văn phòng tư vấn hỗ trợ trẻ em	cơ sở					
4	Số xã có Quỹ bảo trợ trẻ em	xã					
5	Số tiền huy động vào Quỹ bảo trợ trẻ em	1,000 đ					